

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4062/QĐ – ĐT, ngày 29 tháng 11 năm 2012

của Giám đốc ĐHQGHN)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Ngôn ngữ Anh

+ Tiếng Anh: English

- Mã số ngành đào tạo: 52220201

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Thời gian đào tạo: 04 năm

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Cử nhân ngành Ngôn Ngữ Anh

+ Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in English

- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ

2. Mục tiêu đào tạo

Chương trình cử nhân tiếng Anh đào tạo ra những nhà chuyên môn có khả năng thích ứng cao, có kiến thức tốt về tiếng Anh và sử dụng thành thạo tiếng Anh (ít nhất tương đương mức C1 theo Khung tham chiếu Châu Âu); có tính linh hoạt, năng lực cơ bản (như khả năng giao tiếp, xác định và giải quyết vấn đề, năng lực giải quyết vấn đề); có những kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, tìm tòi, suy xét, làm việc nhóm; hiểu biết về môi trường địa phương, trong nước hay quốc tế. Ngành ngôn ngữ Anh có 4 định hướng chuyên ngành, với các mục tiêu đào tạo cụ thể như sau:

Chương trình cử nhân tiếng Anh định hướng phiên dịch đào tạo ra các nhà chuyên môn trong lĩnh vực biên, phiên dịch tiếng Anh- Việt trong môi trường trong nước và quốc tế, mà ở đó tiếng Anh được sử dụng như một ngoại ngữ, hay ngôn ngữ quốc tế; có kiến thức về xã hội văn hóa rộng lớn; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy

những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

Chương trình cử nhân tiếng Anh theo định hướng quản trị học đào tạo ra những cử nhân tiếng Anh có chuyên môn quản trị văn phòng, có khả năng thích ứng cao, có kiến thức tốt về tiếng Anh và sử dụng thành thạo tiếng Anh (ít nhất tương đương mức C1 theo Khung tham chiếu Châu Âu); có tính linh hoạt, năng lực cơ bản (như khả năng giao tiếp, xác định và giải quyết vấn đề, năng lực giải quyết vấn đề); có những kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, tìm tòi, suy xét, làm việc nhóm; hiểu biết về môi trường địa phương, trong nước hay quốc tế, mà ở đó tiếng Anh được sử dụng như một ngoại ngữ, hay ngôn ngữ quốc tế; có kiến thức về xã hội văn hóa rộng lớn; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia, trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

Chương trình cử nhân tiếng Anh định hướng ngôn ngữ học ứng dụng đào tạo ra những nhà chuyên môn về ngôn ngữ học ứng dụng có khả năng thích ứng cao, có kiến thức tốt về các lĩnh vực liên quan đến ngôn ngữ, kỹ năng áp dụng các kiến thức này để giải quyết các vấn đề liên quan trong thực tiễn công việc; sử dụng thành thạo tiếng Anh (ít nhất tương đương mức C1 theo Khung tham chiếu Châu Âu); có tính linh hoạt, năng lực cơ bản (như khả năng giao tiếp, xác định và giải quyết vấn đề, năng lực giải quyết vấn đề); có những kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, tìm tòi, suy xét, làm việc nhóm; có kiến thức rộng về xã hội và văn hóa; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu giỏi chuyên ngành định hướng ngôn ngữ học ứng dụng, cán bộ quản lý mảng báo chí truyền thông trong các cơ quan cấp bộ, ngành, địa phương, tư vấn cao cấp cho các nhà sản xuất phim và chương trình truyền hình, biên tập viên cao cấp cho các tạp chí, báo, nhà xuất bản song ngữ, cán bộ quản lý chuyên môn trong lĩnh vực giảng dạy, nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng và cán bộ quản lý trong lĩnh vực sản xuất chương trình truyền thông.

Chương trình cử nhân tiếng Anh định hướng quốc tế học đào tạo ra những nhà chuyên môn (chuyên sâu về các nước nói tiếng Anh) có khả năng thích ứng cao, có kiến thức tốt về các nước nói tiếng Anh, kỹ năng áp dụng các kiến thức này để giải quyết các vấn đề liên quan đến chuyên ngành trong thực tiễn công việc; sử dụng thành thạo tiếng Anh (ít nhất tương đương mức C1 theo Khung tham chiếu Châu Âu); có tính linh hoạt, năng lực cơ bản (như khả năng giao tiếp, xác định và giải quyết vấn đề, năng lực giải quyết vấn đề); có những kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, tìm tòi, suy xét, làm việc nhóm; có kiến thức rộng về xã hội và văn hóa; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở

bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu chuyên ngành Quốc tế học giỏi, cán bộ đối ngoại trong các cơ quan cấp bộ, ngành, địa phương cán bộ quản lý chuyên môn trong lĩnh vực giảng dạy, nghiên cứu Quốc tế học và cán bộ quản lý trong lĩnh vực đối ngoại.

3. Thông tin tuyển sinh

- Đối tượng dự thi: Thí sinh có trình độ tốt nghiệp THPT tham gia kỳ thi tuyển sinh đại học hàng năm do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, đáp ứng được các yêu cầu tuyển sinh của ĐHQGHN và của trường ĐH Ngoại ngữ.

- Khối thi: Khối D. Môn thi: Toán, Văn, Ngoại ngữ. Môn thi ngoại ngữ tính hệ số 2.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

1.1 Kiến thức chung trong ĐHQGHN

- Hiểu và vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin - học thuyết khoa học và chân chính nhất được cấu thành từ ba bộ phận lý luận có mối quan hệ thống nhất biện chứng với nhau: Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học. Hiểu được những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ yếu là đường lối trong thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.

- Nhớ và giải thích được các kiến thức cơ bản về thông tin, nguyên lý Von Neumann, mạng truyền thông. Sử dụng được các công cụ xử lý thông tin thông dụng (hệ điều hành, các phần mềm hỗ trợ công tác văn phòng và khai thác Internet ...). Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu quan hệ, hệ quản trị cơ sở dữ liệu quan hệ. Hiểu và áp dụng thành thạo các kiến thức cơ bản về lập trình quản lý với Visual Basic và cơ sở dữ liệu quan hệ trong các trường hợp cụ thể.

- Trình độ ngoại ngữ 2 tối thiểu đạt chuẩn B1 theo Khung tham chiếu Châu Âu. Hiểu được các ý chính của một diễn ngôn tiêu chuẩn, rõ ràng về các vấn đề quen thuộc trong các chủ đề về công việc, trường học, giải trí, v.v. Xử lý hầu hết các tình huống có thể xảy ra khi đi đến nơi sử dụng ngôn ngữ. Viết đơn giản những liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng và hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của mình.

- Hiểu và vận dụng được những kiến thức khoa học cơ bản trong lĩnh vực thể dục thể thao vào quá trình tập luyện và tự rèn luyện để củng cố và tăng cường sức khỏe, đề phòng chấn thương. Vận dụng được những kỹ, chiến thuật cơ bản, luật thi đấu vào các hoạt động thể thao cộng đồng.

- Hiểu rõ nội dung cơ bản về đường lối quân sự và nhiệm vụ công tác quốc phòng – an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới. Vận dụng kiến thức đã học vào chiến đấu trong điều kiện tác chiến thông thường.

1.2. Kiến thức chung theo lĩnh vực

- Nắm được các kiến thức cơ bản về địa lý thế giới và thể hiện được các kiến thức đó bằng Tiếng Anh.

- Vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học thống kê trong học tập và nghiên cứu khoa học liên quan đến ngành đào tạo.

- Có khả năng tìm hiểu và khám phá mối quan hệ giữa bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở tầm quốc gia hay quốc tế và đóng góp vào việc bảo vệ môi trường tại địa phương.

1.3. Kiến thức chung của khối ngành

- Vận dụng được những kiến thức cơ bản về văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức đời sống của người Việt, qua đó có lòng nhân ái, ý thức và trách nhiệm đối với di sản văn hóa dân tộc và tương lai của văn hóa Việt Nam.

- Nắm vững được bản chất và chức năng, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, các khái niệm cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và chữ viết để phục vụ việc học ngoại ngữ và các công việc chuyên môn, nghề nghiệp.

- Nắm vững kiến thức thực hành tiếng Việt như tiếp nhận văn bản, tạo lập văn bản, xác định lỗi và chữa lỗi trong văn bản; nắm được các vấn đề về lý thuyết tiếng Việt như Ngữ âm, Ngữ pháp, Từ vựng - ngữ nghĩa và Dụng học tiếng Việt.

1.4. Kiến thức chung của nhóm ngành

- Nắm bắt và áp dụng được những khái niệm cơ bản trong Ngữ âm học và Âm vị học tiếng Anh, phát âm đúng trong việc sử dụng tiếng Anh.

- Nắm vững những vấn đề cơ bản của ngữ nghĩa học tiếng Anh và những kỹ năng phân tích ngữ nghĩa.

- Nắm bắt được những vấn đề cơ bản của ngữ pháp tiếng Anh, diễn ngôn tiếng Anh, vận dụng được những kiến thức về những vấn đề đó trong công việc chuyên môn.

- Vận dụng kiến thức khái quát về văn hóa, văn học, giao thoa văn hóa các nước nói tiếng Anh bao gồm các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục vào các kỹ năng thuyết trình, phân tích phê phán, làm việc nhóm, nghiên cứu liên ngành và kỹ năng tranh luận, nâng cao vốn từ vựng, các kỹ năng tiếng Anh.

- Sử dụng tốt tiếng Anh ở trình độ C1 theo khung tham chiếu châu Âu; có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp và từ vựng trong hoạt động biên phiên dịch và nghiên cứu.

1.5. Kiến thức ngành và bổ trợ

- Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ biên dịch và phiên dịch phục vụ công tác biên, phiên dịch

- Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ quản trị phục vụ các công tác chuyên môn.

- Nắm vững các kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ và ngôn ngữ học ứng dụng, kỹ năng nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ, ngôn ngữ học ứng dụng, phục vụ các công việc nghiên cứu ngôn ngữ và các việc khác liên quan đến ngôn ngữ như biên tập viên, văn phòng, truyền thông, giảng dạy ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai.

- Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về khu vực, các vấn đề quốc tế, đặc biệt, các vấn đề của các nước nói tiếng Anh như Anh, Mỹ, các kỹ năng nghiên cứu trong lĩnh vực quốc tế học nhằm phục vụ các công việc liên quan đến quốc tế học như nghiên cứu, đối ngoại, báo chí, truyền thông...

1.6. Kiến thức thực tập và tốt nghiệp

- Thông qua chương trình thực tập, cử nhân ngành Tiếng Anh vận dụng các kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ đã học vào công việc thực tiễn tại các văn phòng, viện nghiên cứu, cơ sở dạy ngoại ngữ, tòa soạn, đồng thời mở rộng các kỹ năng cần thiết khác của người làm ngôn ngữ, làm quen với thực tế thị trường công việc và xã hội, trở nên tự tin với nghề nghiệp hơn. Có khả năng vận dụng các kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ đã học vào công việc thực tiễn tại các văn phòng, viện nghiên cứu, cơ quan đối ngoại, tòa soạn, đồng thời mở rộng các kỹ năng cần thiết khác của người làm quốc tế học, làm quen với thực tế thị trường việc làm và xã hội, trở nên tự tin với nghề nghiệp hơn.

- Sinh viên lựa chọn làm khóa luận hoặc học môn học thay thế. Thông qua khối kiến thức khóa luận tốt nghiệp được thực hiện theo hình thức sinh viên tiến hành một dự án nghiên cứu theo chuyên ngành được đào tạo dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Thông qua việc làm khóa luận tốt nghiệp, sinh viên có cơ hội nghiên cứu sâu về một vấn đề chuyên

môn, phát triển khả năng phân tích, tư duy phê phán, v.v. Các môn học thay thế tốt nghiệp được thiết kế mang tính tổng hợp cao, thông qua đó sinh viên nắm vững và vận dụng được những kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa Anh.

2. Về kỹ năng

2.1. Kỹ năng cứng

2.1.1. Các kỹ năng nghề nghiệp

- Có khả năng quản lý thời gian, kỹ năng thích ứng, kỹ năng học và tự học, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, đưa ra giải pháp, kiến nghị, kỹ năng phân tích, tổng hợp.

- Có năng lực phát triển nghề nghiệp, biết tự đánh giá, tự học và tự rèn luyện nhằm nâng cao năng lực bản thân, chất lượng, hiệu quả công việc. Biết phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu mới.

- Có khả năng áp dụng nền kiến thức rộng kết hợp sâu sắc những khái niệm lý thuyết.

- Có khả năng áp dụng những khái niệm lý thuyết và kỹ năng chuyên môn, sáng tạo vào các tình huống khác nhau.

2.1.2 Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề

- Vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh để xác định phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu cụ thể. Nắm vững quy luật khách quan, xu thế thời đại và thực tiễn đất nước. Nắm vững quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng để xác định, phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể trong nghiên cứu, học tập và công hiến, đóng góp cho cuộc sống xã hội.

- Có khả năng lập luận tư duy và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực dịch.

2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức

Hình thành các giả thuyết, thu thập, phân tích và xử lý thông tin, tham gia nghiên cứu thực nghiệm, kiểm định giả thuyết và ứng dụng để nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực công tác.

2.1.4. Khả năng tư duy theo hệ thống

Tư duy logic, có hệ thống khi tiếp cận và xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực liên quan đến ngôn ngữ Anh nói riêng và các vấn đề kinh tế - văn hóa - xã hội nói chung.

2.1.5. Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh

Có năng lực xã hội hóa, khả năng thích nghi xã hội và môi trường công tác. Hiểu biết xã hội, thích ứng nhanh với sự thay đổi của kinh tế, xã hội trong nước và quốc tế.

2.1.6. Bối cảnh tổ chức

- Nắm vững chiến lược, kế hoạch, mục tiêu và văn hóa của tổ chức để làm việc thành công. Thích ứng nhanh với sự thay đổi của tổ chức trong sự vận động của nền kinh tế thế giới hiện đại.

- Có khả năng tự chủ trong giải quyết vấn đề; khả năng nhận diện và giải quyết vấn đề; khuyến khích sáng tạo và tự tin khi làm việc.

2.1.7. Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn

- Vận dụng linh hoạt và phù hợp kiến thức, kỹ năng để thực hiện công việc, phân tích, xử lý các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực công việc.

- Có khả năng tìm hiểu đối tượng và môi trường làm việc, có phương pháp thu thập và xử lý thông tin thường xuyên về nhu cầu và đặc điểm của đối tượng, về tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương, quốc gia và quốc tế sử dụng các thông tin thu được vào công tác.

2.1.8. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp

Sáng tạo, dẫn dắt và phát triển nghề nghiệp thông qua khả năng tự học, học tập suốt đời, phát triển các kiến thức và kỹ năng cần thiết và khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi của thực tế.

2.2. Kỹ năng mềm

2.2.1. Các kỹ năng cá nhân

Chăm chỉ, nhiệt tình và say mê công việc; quản lý tốt thời gian và nguồn lực cá nhân; thích ứng với sự phức tạp của thực tế; tự đánh giá kết quả công việc, hoàn thành công việc đúng hạn, đặt mục tiêu, tự phát triển bản thân, tự trau dồi và phát triển nghề nghiệp.

2.2.2. Kỹ năng làm việc nhóm

Hình thành nhóm làm việc hiệu quả; vận hành và phát triển nhóm; lãnh đạo nhóm (quản lý, phân công nhiệm vụ, phối hợp cá nhân trong nhóm, sử dụng các phương pháp động viên...), làm việc trong các nhóm khác nhau.

2.2.3. Kỹ năng quản lý và lãnh đạo

Có khả năng lãnh đạo, quản lý những thay đổi hoặc áp dụng những tiến bộ mới trong các hoạt động nghề nghiệp.

2.2.4. Kỹ năng giao tiếp

- Giao tiếp tốt bằng văn bản và lời nói (trao đổi, thuyết trình), truyền đạt thông tin và chuyển giao kiến thức dưới dạng nói và viết.

- Có khả năng áp dụng những kỹ năng sử dụng ngôn ngữ tinh tế trong các hoàn cảnh cụ thể và đa dạng.

2.2.5. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ

- Giao tiếp được bằng ngoại ngữ (tiếng Anh) với trình độ tiếng Anh tương đương C1 trở lên.

- Giao tiếp được bằng ngoại ngữ khác với trình độ tương đương B1 trở lên.

2.2.6. Kỹ năng công nghệ thông tin

- Sử dụng thành thạo các công cụ tin học như các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn (EView, SPSS...); thành thạo trong việc tìm kiếm tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu. Có khả năng tổ chức lưu trữ thông tin trên máy tính và sử dụng máy tính để giải quyết các vấn đề thông dụng. Sử dụng tốt một hệ quản trị cơ sở dữ liệu cụ thể. Có khả năng phân tích, đánh giá và lập trình quản lý thông qua macro và mô đun đơn giản trong Visual Basic.

- Các kỹ năng máy tính cần thiết: làm quen với vị trí làm việc của người phiên dịch, dịch có trợ giúp của máy tính, dịch tự động có sự trợ giúp của con người, học từ các nguồn điện tử: dữ liệu và tiếp cận tới các nguồn số hoá, đơn phương (web) và 2 chiều (email), giao tiếp từ xa...

3. Về phẩm chất đạo đức

3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Xác định rõ Chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là kim chỉ nam, nền tảng tư tưởng cho mọi hoạt động trong thực tiễn. Học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh. Xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu theo mục tiêu lý tưởng của Đảng, bồi dưỡng và nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước. Có phong cách và lối sống lành mạnh, dám hy sinh, phấn đấu cho lý tưởng.

- Có tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, niềm tự hào và sự trân trọng đối với truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, có ý thức cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc.

- Tự tin, linh hoạt, dám đương đầu với rủi ro; tuân thủ các tiêu chuẩn và nguyên tắc đạo đức; nhiệt tình, say mê sáng tạo; có tinh thần tự tôn, hiểu biết văn hóa; có khả năng thích ứng cao với hoàn cảnh và điều kiện, môi trường làm việc, can đảm, quyết tâm hành động bất chấp hoàn cảnh không thuận lợi; luôn có ý thức học hỏi, không ngừng trau dồi năng lực và có khát vọng vượt khó, vươn lên để thành đạt.

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy. Hành vi chuyên nghiệp, tự tôn dân tộc. Say mê trong công việc, tích cực khám phá kiến thức, khám phá thực tiễn.

- Đảm bảo tính liêm chính, công bằng, vô tư, không phân biệt đối xử trong khi tiến hành nhiệm vụ, nhất là các nhiệm vụ mang tính chất truyền tải thông tin thông qua các diễn ngôn.

- Đảm bảo bí mật thông tin của đối tác và bí mật thông tin của công; Có thái độ đúng đắn và hiểu tầm quan trọng của nhiệm vụ; Có tính kiên trì, say mê công việc, có hành vi chuyên nghiệp; Thực hiện đầy đủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp.

- Ứng xử tốt thân thiện với đồng nghiệp, đoàn kết, hợp tác, cộng tác với đồng nghiệp.

3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

Xác định trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân, có tư cách, tác phong đúng đắn của người công dân; có chuẩn mực đạo đức trong các quan hệ xã hội, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước; có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc; có tác phong mẫu mực, làm việc khoa học.

4. Những vị trí công tác người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

Định hướng quản trị văn phòng:

Nhóm 1 – Nhân viên quản trị văn phòng: có khả năng làm việc trong các văn phòng các công ty nước ngoài, liên doanh, hoặc công ty Việt Nam, phụ trách các mảng công việc liên quan đến quản lý và điều hành công việc văn phòng, đáp ứng nhu cầu giao tiếp quốc tế tại các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức Nhà nước hoặc tư nhân trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội.

Nhóm 2 – Nhân viên quản lý dự án: có khả năng làm việc trong các văn phòng dự án của các công ty trong nước và nước ngoài, văn phòng dự án các ban ngành, cơ quan nhà nước;

tham gia đàm phán, giao dịch, kí kết hợp đồng, lập kế hoạch, chương trình làm việc của dự án; theo dõi tiến độ thực hiện dự án; xử lý các vấn đề phát sinh liên quan tới dự án, đặc biệt là các công việc có liên quan đến năng lực nói, viết tiếng Anh.

Nhóm 3 - Nhân viên quản trị nhân sự: có khả năng làm việc hiệu quả trong phòng nhân sự thuộc các cơ quan, công ty hoặc tổ chức của Việt Nam hay nước ngoài, phụ trách các công việc liên quan đến tuyển dụng nhân sự, có năng lực để tham gia vào các hoạt động chuyên môn khác nhau của tổ chức; linh hoạt, chuẩn xác và liêm chính trong sử dụng, luân chuyển và đánh giá nguồn nhân lực tại nơi làm việc, sáng tạo và năng động trong việc tìm kiếm nhân sự chất lượng cao, đồng thời có khả năng đảm bảo duy trì nguồn nhân lực thường xuyên và đầy đủ cho mọi hoạt động của cơ quan, công ty hay tổ chức mình làm việc.

Nhóm 4 - Nhân viên điều hành du lịch: có khả năng làm việc trong các văn phòng, đại lý du lịch, trực tiếp điều hành các tour du lịch trong và ngoài nước; xây dựng đội ngũ hướng dẫn viên du lịch và điều phối hướng dẫn viên cho các tour du lịch; giữ liên lạc với các đối tác để thực hiện các tour du lịch cho khách trong và ngoài nước; khai thác và tìm kiếm đối tác để chọn lựa được những đối tác cung cấp dịch vụ tốt nhất; hỗ trợ cập nhật thông tin xây dựng các sản phẩm du lịch; xây dựng cơ sở dữ liệu điều hành phục vụ công tác chuyên môn.

Nhóm 5 - Cán bộ truyền thông: có khả năng tham gia làm việc tại các cơ quan hay tổ chức truyền thông của Việt Nam hay nước ngoài (các tòa soạn báo hoặc các đài truyền hình), phụ trách các nhiệm vụ liên quan đến quản trị công việc cũng như nhân viên thực hiện các công việc cụ thể đó nhằm đảm bảo cho những công việc này được diễn ra trôi chảy và hiệu quả; bên cạnh đó, còn có khả năng phụ giúp và hỗ trợ một số công tác chuyên ngành hay giao tiếp đòi hỏi khả năng đọc-viết, nghe-nói tiếng Anh.

Nhóm 6 - Trợ lý/quản trị kinh doanh: có khả năng làm việc trong các phòng kinh doanh, bán hàng, tiếp thị, dịch vụ khách hàng, quan hệ công chúng và tổ chức sự kiện cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước; có khả năng giao tiếp, đàm phán, thuyết trình, xử lý văn bản tốt, đặc biệt là bằng tiếng Anh; có khả năng hỗ trợ bán hàng, hỗ trợ quản lý thị trường; xây dựng và khai thác thị trường mới; có khả năng làm việc độc lập, xử lý các vấn đề phát sinh một cách hiệu quả.

Định hướng phiên dịch:

Nhóm 1 - Biên dịch viên/ Phiên dịch viên/ Biên tập viên: Có khả năng làm việc độc lập với tư cách là một biên dịch viên các văn bản viết hoặc một phiên dịch viên cho các cuộc gặp gỡ tiếp xúc song phương thông thường, biên tập viên tại các nhà xuất bản có xuất bản

phẩm là tiếng Anh, đáp ứng nhu cầu giao tiếp quốc tế tại các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức Nhà nước hoặc tư nhân, trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội.

Nhóm 2 - Thư kí văn phòng/ Trợ lí đối ngoại/ Hướng dẫn viên du lịch: Có khả năng làm việc trong các văn phòng công ty nước ngoài, liên doanh hoặc công ty Việt Nam, phụ trách các mảng công việc liên quan đến đối ngoại, hợp tác, kinh doanh, xuất nhập khẩu, du lịch với các đối tác nước ngoài, tham gia đàm phán, giao dịch, kí kết hợp đồng kinh doanh, theo dõi hợp đồng liên quan, lập kế hoạch, chương trình đón tiếp khách quốc tế, tổ chức các tour du lịch, xử lí các công việc có liên quan đến năng lực nói, viết tiếng Anh.

Định hướng ngôn ngữ học và ngôn ngữ học ứng dụng:

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Tiếng Anh định hướng ngôn ngữ học ứng dụng có thể đảm nhận các vị trí như: cán bộ giảng dạy ngôn ngữ học, ngôn ngữ học ứng dụng tại các cơ sở đào tạo tiếng Anh và ngôn ngữ khác, cán bộ nghiên cứu khoa học chuyên ngành ngôn ngữ, ngôn ngữ học ứng dụng, cán bộ phụ trách báo chí truyền thông tại các cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương. Ngoài ra, cử nhân tốt nghiệp ngành này còn có thể làm tư vấn cho các nhà sản xuất phim ảnh, chương trình truyền hình, biên tập viên cho các tạp chí, báo, nhà xuất bản song ngữ và làm việc tại các cơ quan kinh doanh, tổ chức sự kiện.

Định hướng quốc tế học:

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Tiếng Anh định hướng quốc tế học có thể đảm nhận các vị trí như: cán bộ giảng dạy môn đất nước học tại các cơ sở đào tạo tiếng Anh và Quốc tế học, cán bộ nghiên cứu khoa học chuyên ngành Quốc tế học, cán bộ đối ngoại tại các cơ quan, ban ngành trung ương và địa phương cũng như làm các công việc báo chí, xuất bản liên quan đến mảng văn hóa, chính trị. Ngoài ra, cử nhân tốt nghiệp ngành này còn có thể làm tư vấn cho các nhà sản xuất phim ảnh, chương trình truyền hình, biên tập viên cho các tạp chí, báo, nhà xuất bản văn hóa, chính trị và làm việc tại các cơ quan kinh doanh, tổ chức sự kiện.

Cử nhân tốt nghiệp ngành ngôn ngữ Anh có thể đảm nhiệm việc giảng dạy tiếng Anh sau khi hoàn tất khóa học nghiệp vụ sư phạm.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu của chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	131 tín chỉ
- Khối kiến thức chung trong ĐHQGHN:	27 tín chỉ
<i>(Không tính các môn học GDTC, GDQP-AN và kỹ năng mềm)</i>	
- Khối kiến thức chung theo lĩnh vực:	6/15 tín chỉ
- Khối kiến thức chung của khối ngành:	8 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>6</i> tín chỉ
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>2/14</i> tín chỉ
- Khối kiến thức chung của nhóm ngành:	54 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>48</i> tín chỉ
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>6/15</i> tín chỉ
- Khối kiến thức ngành và bổ trợ:	27 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>18</i> tín chỉ
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>9</i> tín chỉ
- Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp:	9 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung <i>(Không tính các môn học từ số 9 đến số 11)</i>	27				
1	PHI1004	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lê nin 1	2	21	5	4	
2	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lê nin 2	3	32	8	5	PHI1004
3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	8	2	PHI1005
4	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	35	7	3	POL1001
5	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	17	28		
6		Ngoại ngữ A1	4	16	40	4	

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
7		Ngoại ngữ A2	5	20	50	5	NN A1
8		Ngoại ngữ B1	5	20	50	5	NN A2
9		Giáo dục thể chất	4				
10		Giáo dục quốc phòng-an ninh	8				
11		Kỹ năng mềm	3				
II		Khối kiến thức chung theo lĩnh vực	6/15				
12	ENG1001	Địa lý đại cương	3	27	15	3	ENG5009
13	ENG1002	Môi trường và phát triển	3	27	15	3	ENG5010
14	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	15	15		
15	MAT1092	Toán cao cấp	4	25	25	10	
16	MAT1101	Xác suất thống kê	3	27	18		MAT1092
III		Khối kiến thức chung của khối ngành	8				
III.1		Bắt buộc	6				
17	HIS1052	Cơ sở văn hoá Việt Nam	3	30	10	5	
18	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	30	10	5	
III.2		Tự chọn	2/14				
19	VLF1053	Tiếng Việt thực hành	2	20	6	4	
20	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	15	13	2	
21	PHI1051	Logic học đại cương	2	20	6	4	
22	FLF1003	Tư duy phê phán	2	15	13	2	
23	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	20	10		
24	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	20	10		
25	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	20	10		
IV		Khối kiến thức chung của nhóm ngành	54				
IV.1		Khối kiến thức Ngôn ngữ - Văn hóa	18				
IV.1.1		Bắt buộc	12				
26	ENG2055	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	27	15	3	ENG5010

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
27	ENG2056	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2	3	27	15	3	ENG2056
28	ENG2052	Đất nước học Anh-Mỹ	3	27	15	3	ENG5010
29	ENG2054	Giao tiếp liên văn hóa	3	27	15	3	ENG5010
<i>IV.1.2</i>		<i>Tự chọn</i>	<i>6/15</i>				
30	ENG2057	Ngữ dụng học tiếng Anh	3	27	15	3	ENG2056
31	ENG2060	Phân tích diễn ngôn	3	27	15	3	ENG2056
32	ENG3074	Tiếng Anh toàn cầu	3	27	15	3	ENG2056 ENG2055
33	ENG3077	Văn học và giao tiếp	3	27	10	8	ENG2066
34	ENG2053	Văn học các nước nói tiếng Anh	3	27	15	3	ENG5010
<i>IV.2</i>		<i>Khối kiến thức tiếng</i>	<i>36</i>				
35	ENG5001	Tiếng Anh 1A	4	16	40	4	
36	ENG5002	Tiếng Anh 1B	4	16	40	4	ENG5001
37	ENG5003	Tiếng Anh 2A	4	16	40	4	ENG5002
38	ENG5004	Tiếng Anh 2B	4	16	40	4	ENG5003
39	ENG5005	Tiếng Anh 3A	4	16	40	4	ENG5004
40	ENG5006	Tiếng Anh 3B	4	16	40	4	ENG5005
41	ENG5007	Tiếng Anh 4A	4	16	40	4	ENG5006
42	ENG5008	Tiếng Anh 4B	4	16	40	4	ENG5007
43	ENG5009	Tiếng Anh 3C	2	5	20	5	
44	ENG5010	Tiếng Anh 4C	2	5	20	5	
V		Khối kiến thức ngành và bổ trợ (Chọn 1 định hướng)	27				
<i>V.1</i>		<i>Định hướng chuyên ngành Quản trị học</i>	<i>27</i>				
<i>V.1.1</i>		<i>Bắt buộc</i>	<i>18</i>				
45	ENG3062	Phiên dịch	3	20	20	5	
46	ENG3030	Biên dịch	3	20	20	5	
47	BSA2006	Quản trị nguồn nhân lực	3	25	15	5	
48	ENG3079	Quản lý dự án	3	25	15	5	
49	ENG3055	Ngôn ngữ và truyền thông	3	27	15	3	

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
50	ENG3080	Quản trị văn phòng	3	27	15	3	
V.1.2		<i>Tự chọn</i>	9/27				
51	ENG3006	Biên dịch nâng cao	3	15	25	5	ENG3030
52	ENG3064	Phiên dịch nâng cao	3	15	25	5	ENG3062
53	ENG3032	Các kỹ năng chuyên nghiệp cho biên/phiên dịch	3	15	25	5	ENG3030; ENG3062
54	ENG3072	Tiếng Anh kinh tế	3	27	15	3	
55	ENG3073	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	3	27	15	3	
56	ENG3070	Tiếng Anh Du lịch	3	27	15	3	
57	ENG3071	Tiếng Anh giao tiếp trong kinh doanh	3	27	15	3	
58	ENG3029	Báo chí trực tuyến (Online journalism)	3	25	17	3	
59	ENG3038	Công nghệ trong quản lý dự án	3	20	20	5	ENG3079
V.2		<i>Định hướng chuyên ngành Phiên dịch</i>	27				
V.2.1		<i>Bắt buộc</i>	18				
60	ENG3049	Lý thuyết dịch	3	30	10	5	
61	ENG3062	Phiên dịch	3	20	20	5	
62	ENG3030	Biên dịch	3	20	20	5	
63	ENG3006	Biên dịch nâng cao	3	10	30	5	ENG3030
64	ENG3064	Phiên dịch nâng cao	3	10	30	5	ENG3062
65	ENG3032	Các kỹ năng nghiệp vụ cho biên/phiên dịch	3	18	24	3	ENG3030; ENG3062
V.2.2		<i>Tự chọn</i>	9/27				
66	ENG3063	Phiên dịch chuyên ngành	3	15	25	5	
67	ENG3031	Biên dịch chuyên ngành	3	15	25	5	
68	ENG3061	Đánh giá chất lượng bản dịch	3	15	25	5	
69	ENG3055	Ngôn ngữ và truyền thông	3	20	20	5	
70	ENG3029	Báo chí trực tuyến (Online journalism)	3	25	15	5	
71	ENG3072	Tiếng Anh kinh tế	3	27	15	3	

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
72	ENG3073	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	3	27	15	3	
73	ENG3070	Tiếng Anh Du lịch	3	27	15	3	
74	ENG3071	Tiếng Anh giao tiếp trong kinh doanh	3	27	15	3	
V.3		Định hướng chuyên ngành Ngôn ngữ học ứng dụng	27				
<i>V.3.1</i>		<i>Bắt buộc</i>	<i>18</i>				
75	ENG3066	Phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng	3	25	10	10	
76	ENG3027	Âm vị học	3	25	10	10	ENG2055
77	ENG3039	Cú pháp học	3	25	10	10	ENG2055
78	ENG2060	Phân tích diễn ngôn	3	25	10	10	ENG2056
79	ENG3057	Ngữ nghĩa học	3	25	10	10	ENG2056
80	ENG3074	Tiếng Anh toàn cầu	3	25	10	10	ENG2055, ENG2056
<i>V.3.2</i>		<i>Tự chọn</i>	<i>9/45</i>				
<i>V.3.2.1</i>		<i>Các môn học chuyên sâu</i>	<i>6/21</i>				
81	ENG3056	Ngôn ngữ, xã hội và văn hóa	3	25	10	10	ENG5010
82	ENG3069	Thụ đặc ngôn ngữ (thứ nhất và thứ hai)	3	25	10	10	ENG2055 ENG 2056
83	ENG3067	Phương pháp thực địa trong nghiên cứu ngôn ngữ	3	25	10	10	ENG 2056
84	ENG3053	Ngôn ngữ học tâm lí	3	25	10	10	ENG2056
85	ENG2058	Ngôn ngữ học xã hội	3	25	10	10	ENG2056
86	ENG2059	Ngữ pháp chức năng	3	25	10	10	ENG2056
87	ENG3041	Giáo dục song ngữ	3	25	10	10	ENG2056
<i>V.3.2.2</i>		<i>Các môn học bổ trợ</i>	<i>3/24</i>				
88	ENG3030	Biên dịch	3	25	10	10	
89	ENG3062	Phiên dịch	3	25	10	10	
90	ENG3055	Ngôn ngữ và truyền thông	3	25	10	10	ENG5009 ENG5010
91	ENG3042	Giao tiếp qua máy tính	3	25	10	10	ENG5004
92	ENG3054	Ngôn ngữ và bản sắc	3	25	10	10	ENG2056

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
93	ENG3077	Văn học và giao tiếp	3	25	10	10	
94	ENG3043	Kỹ năng biên tập văn bản	3	25	10	10	ENG5010
95	ENG3052	Nghi thức giao tiếp quốc tế	3	25	10	10	
V.4		<i>Định hướng chuyên ngành Tiếng Anh quốc tế học</i>	27				
<i>V.4.1</i>		<i>Bắt buộc</i>	<i>18</i>				
96	ENG3046	Các phương pháp nghiên cứu đất nước học	3	25	10	10	ENG5010, ENG2052
97	ENG3075	Toàn cầu hóa và ảnh hưởng của toàn cầu hóa đến các xã hội đương đại	3	25	10	10	ENG5010
98	ENG2086	Các chủ đề trong đất nước học Mỹ	3	25	10	10	ENG2052, ENG5010
99	ENG2087	Các chủ đề trong đất nước học Anh	3	25	10	10	ENG2052, ENG5010
100	ENG3033	Các tổ chức khu vực và các trào lưu hợp tác quốc tế	3	25	10	10	ENG5010
101	ENG3074	Tiếng Anh toàn cầu	3	25	10	10	ENG2056
<i>V.4.2</i>		<i>Tự chọn</i>	<i>9/30</i>				
<i>V.4.2.1</i>		<i>Các môn học chuyên sâu</i>	<i>6/18</i>				
102	ENG3034	Vị thế của Trung Quốc hiện nay tại châu Á và trên thế giới	3	25	10	10	ENG5010
103	ENG3051	Xung đột và giải quyết xung đột trong quan hệ quốc tế	3	25	10	10	ENG5010
104	ENG3058	So sánh văn hóa Đông Tây	3	25	10	10	ENG5010
105	ENG3035	Công dân văn hóa: Sắc tộc và các cộng đồng hải ngoại	3	25	10	10	ENG5010
106	ENG3028	Bản sắc trong kỉ nguyên truyền thông số: nước Mỹ	3	25	10	10	ENG5010
107	ENG3059	Điểm đến cho dân nhập cư: Bắc Mỹ, Úc, châu Âu?	3	25	10	10	ENG5010
<i>V.4.2.2</i>		<i>Các môn học bổ trợ</i>	<i>3/12</i>				
108	ENG3030	Biên dịch	3	25	10	10	
109	ENG3062	Phiên dịch	3	25	10	10	
110	ENG3052	Nghi thức giao tiếp quốc tế	3	25	10	10	

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
111	ENG3054	Ngôn ngữ và bản sắc	3	25	10	10	ENG2056
VI		Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp	9				
112	ENG4001	Thực tập	3				
113	ENG4051	Khoá luận tốt nghiệp hoặc các môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp (chọn 2 môn trong số các môn tự chọn của IV hoặc V)	6				
		Tổng cộng	131				